

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày : 05 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thanh – Cán bộ hưu trí;
- Ông Bùi Anh Tấn – Bí thư Đoàn TNCS thị trấn An Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Bùi Quốc T, sinh năm 2001, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Hồ Thị H, sinh năm: 1970; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án và tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Ngọc H1, sinh năm 2003, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; con ông Dương Văn T1, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Trúc P, sinh năm: 1982; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án và tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn H2 (K), sinh năm 2004, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá

(học vấn): 6/12; con ông [Nguyễn Văn Ú](#), sinh năm 1984 và bà [Nguyễn Thị V](#), sinh năm: 1983; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án và tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2024 đến nay và có mặt tại phiên toà.

4. [Nguyễn Đăng K1](#), sinh ngày 14/02/2007, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: [khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; con ông [Nguyễn Ngọc M](#) (đã chết) và bà [Trần Thị Quý N](#), sinh năm: 1983; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án và tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 05/10/2023, thực hiện hành vi “Cố ý gây thương tích” tại [ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang](#). Ngày 17/12/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện C](#), tỉnh An Giang ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 07/02/2024 đến nay và có mặt tại phiên toà.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo [Nguyễn Đăng K1](#)*: ông [Nguyễn Thanh N1](#), sinh năm 1963; Nơi cư trú: [khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang](#). (là ông nội của bị cáo [K1](#)) (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Đăng K1](#)*: ông [Lương Minh H3](#), Trợ giúp viên pháp lý của [Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A](#). (có mặt)

5. [Nguyễn Hoàng L](#), sinh ngày 22/12/2007, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: [khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; con ông [Nguyễn Văn Q](#), sinh năm 1981 và bà [Nguyễn Thị Kim T2](#), sinh năm: 1990; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án và tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2024 đến nay và có mặt tại phiên toà.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo [Nguyễn Hoàng L](#)*: ông [Bùi Văn H4](#), sinh năm 1969 (có mặt); bà [Nguyễn Thị Kim T2](#), sinh năm: 1990 (có mặt); Cùng nơi cư trú: [khóm H thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang](#). (là ông ngoại và mẹ đẻ của bị cáo [L](#))

- *Người bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Hoàng L](#)*: ông [Hà Quang V1](#), Trợ giúp viên pháp lý của [Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A](#). (có mặt)

- *Bị hại*: [Nguyễn Văn Đ1](#), sinh năm 2005; Nơi cư trú: [ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang](#). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ [Phan Hoàng H5](#), sinh năm 2008; Nơi cư trú: [ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang](#). (vắng mặt khi tuyên án)

* *Người đại diện hợp pháp của [Phan Hoàng H5](#)*: ông [Phan Văn S](#), sinh năm 1974 (vắng mặt) và bà [Võ Thị Cẩm T3](#), sinh năm 1976 (vắng mặt khi tuyên án); Cùng nơi cư trú: [ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang](#). (là cha đẻ, mẹ đẻ của [H5](#))

* *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của [Phan Hoàng H5](#)*: ông [Phạm Minh T4](#), Trợ giúp viên pháp lý của [Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A](#). (vắng mặt khi tuyên án)

+ Ông Phan Văn S, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

+ Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1983; Nơi cư trú: khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

+ Ông Trần Văn T5, sinh năm 1972, Nơi cư trú: ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Chị Phạm Thị Quỳnh N2, sinh năm 2003; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị Huỳnh N3 và Nguyễn Văn Đ1 có quan hệ tình cảm với nhau. Ngày 11/01/2024, Như chia tay với Đ1 vì lý do Đây sắp đi nghĩa vụ quân sự nên không chờ đợi được. Sau đó, Như quen biết Bùi Quốc T.

Ngày 19/01/2024, N3 làm việc tại Công ty Cổ phần Đ3 thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Như nghỉ trưa nên cùng T uống nước tại quán B thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, Như nói với T là đã chia tay mà bị Đây thường nhắn tin làm phiền. Sau khi về nhà, T sử dụng điện thoại nhắn tin trên ứng dụng Messenger kêu Đây chiều lên gặp Như để nói chuyện dứt khoát về tình cảm. Đến 17 giờ cùng ngày, Như tan ca nên điều khiển xe mô tô biển số 67C1-379.69 trên đường về nhà thì gặp Đây chạy xe mô tô biển số 67AB-040.97 phía sau. Như và Đ1 dừng xe cặp lề đường (thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang) để nói chuyện. Lúc này, Như nhắn tin cho T hay là đang nói chuyện với Đây. T điều khiển xe mô tô biển số 67AB - 061.32 của T đến nhà rủ Dương Ngọc H1 đi đánh Đây nhằm không cho Đ1 quen N3 thì Hòa đồng ý và đi cùng với T. T chở H1 đến chỗ Như và Đây nói chuyện, dừng xe cách khoảng 3 mét, thấy Đây năn nỉ về tình cảm và không muốn chia tay. H1 nói Đây: “ông nói nhây quá, người ta không chịu thì thôi về đi”, Đây không trả lời. Khoảng 10 phút sau, T gọi điện kêu Phan Hoàng H5 đến đánh Đ1; T kêu H5 rủ thêm bạn và đem theo hung khí. H5 đang uống nước tại quán K2 (thuộc khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang) cùng với Nguyễn Đăng K1, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Hoàng L. H5 rủ H2, K1, L đi tiếp T đánh Đây thì H2, K1 và L đồng ý. H5 điều khiển xe mô tô biển số 67AB - 006.52 chở H2, K1 và L đến nhà của L tại khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, L vào nhà lấy một cây dao, loại dao giọt lệ rồi tiếp tục chạy xe đến chỗ T. Khi gặp T, H5 hỏi T ai, T dùng tay phải chỉ Đây và H1 nháy mắt quay mặt về hướng Đây cho H5 thấy, H5 dùng tay phải đánh 02 cái vào người của Đ1, H2 dùng nón bảo hiểm đánh 03 cái vào lưng của Đ1, L cầm dao chém 02 nhát vào lưng của Đ1; L tiếp tục chém thêm 02 nhát, Đ1 đưa tay trái lên đỡ nên bị L chém vào tay gây thương tích. Sau đó, T và H1 điều khiển xe về nhà, H5 cùng với H2, K1 và L lên xe chạy về thị trấn A. Riêng Đây được N3 và gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ4.

** Vật chứng thu giữ:*

- Xe gắn máy số máy: RL9FM1P39FMBW000166; số khung: RL9WCB3UMHBG00166 do ông [Bùi Văn Đ](#) giao nộp; Một biển số: 67AB-061.32 do [Bùi Quốc T](#) giao nộp.

- Một điện thoại di động hiệu OPPO - A57, màu xanh, Imei1: 863002068001298, do [Bùi Quốc T](#) giao nộp.

- Một mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, trên mũ có chữ “mm”, do [Nguyễn Văn H2](#) giao nộp.

- Một xe gắn máy biển số: 67AB-006.52, số máy: 00013918, số khung: 013918, do bà [Võ Thị Cẩm T3](#) - mẹ ruột của [Phan Hoàng H5](#) giao nộp.

- Một cây dao bằng kim loại màu đen dài 51 cm, cán bằng nhựa màu đen dài 13 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38 cm, loại một lưỡi sắc, gần sống dao có 07 lỗ rỗng hình ovan, mũi dao bầu nhọn và vỏ dao bằng vải màu đen, do [Nguyễn Hoàng L](#) giao nộp.

- Một áo khoác dài tay màu trắng đen, trên áo phía sau có chữ ACOVER, trên áo có dính nhiều vết màu nâu, do [Phan Thị Huỳnh N3](#) giao nộp.

- Ba que tăm bông dính vết màu nâu, thu tại hiện trường.

- Một điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, Imei: 350293721657960, số sê ri: DX3HG723N73C, là tài sản của [Phan Thị Huỳnh N3](#) do Như giao nộp (đã trao trả cho [N3](#)).

** Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 71/24/KLTTCT-TTPY của [Trung tâm P1](#) - [Sở Y tế tỉnh A](#), kết luận:*

[Nguyễn Văn Đ1](#), sinh năm 2005, [ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang](#).

1. Các kết quả chính:

- Vết thương chưa liền sẹo vùng lưng phải, nằm xiên kích thước (11.5 x 0.3) cm, tỷ lệ là 02%;

- Vết thương chưa liền sẹo vùng bả vai trái kích thước (07 x 0.2) cm, tỷ lệ là 02%;

- Vết thương chưa liền sẹo mặt trước trong sau 1/3 giữa cẳng tay trái dạng vát kích thước (12 x 0.3), gây đứt bán phần cơ duỗi cổ tay trụ, đã phẫu thuật cắt lọc, cầm máu, khâu cơ. Tỷ lệ là 02%;

- Vết thương chưa liền sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước (2.5 x 0.1) cm, tỷ lệ là 01% . Gây:

+ Đứt gân cơ duỗi ngón cái dài, ngắn, duỗi cổ tay quay dài, ngắn tay trái. Đã phẫu thuật cắt lọc, cầm máu, khâu gân cơ. Hiện tại ảnh hưởng ít đến động tác khớp cổ tay, tỷ lệ là 07%. Cứng khớp liên đốt ngón I bàn tay trái, tỷ lệ là 06%.

+ Vết mổ đầu trên kích thước (2.5 x 0.1) cm, tỷ lệ là 01%.

+ Vết mổ đầu dưới kích thước (04 x 0.1) cm, tỷ lệ là 01%.

Tỷ lệ là 15%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của [Bộ Y](#) quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần.

Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của [Nguyễn Văn Đ1](#), áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư là 20% (Hai mươi phần trăm).

3. Kết luận khác: Tất cả các thương tích do vật sắc gây nên.

* Căn cứ Kết luận giám định số 180/KL-KTHS ngày 20/3/2024 của [Phòng K3 Công an tỉnh A](#), kết luận:

- Vết màu nâu dính trên 02 mảnh vải (là một áo khoác dài tay bị rách làm hai) gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu A;
- Vết màu nâu vị trí số 1 tại hiện trường là máu người, thuộc nhóm máu A;
- Máu của bị hại [Nguyễn Văn Đ1](#), sinh năm 2005 thuộc nhóm máu A.

* Căn cứ Kết luận giám định số 210/KL-KTHS ngày 31/3/2024 của [Phòng K3 Công an tỉnh A](#) kết luận:

Trên cây dao gửi giám định có dính máu người, do dấu vết quá ít không đủ điều kiện để xác định nhóm máu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại [Nguyễn Văn Đ1](#) yêu cầu bồi thường 61.000.000 đồng gồm: chi phí điều trị và tái khám là 36.000.000 đồng, tiền công lao động 02 tháng của [Đ1](#) là 10.000.000 đồng, tiền công lao động của 02 người nuôi bệnh là 6.000.000 đồng; tiền vật lý trị liệu 03 tháng là 9.000.000 đồng. Ông [Nguyễn Văn Đ2](#) (là cha đẻ của bị cáo [T](#)) đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bà [Nguyễn Thị V](#) (là mẹ đẻ của bị cáo [H2](#)) đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 36.000.000 đồng. Về phần hình phạt, bị hại có làm đơn xin bãi nại cho bị cáo [T](#), xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo [H2](#).

Về vật chứng: ông [Phan Văn S](#) và ông [Trần Văn T5](#) trình bày xe mô tô biển số: 67AB-006.52 của [S](#) mua lại của [T5](#) vào tháng 10/2023 với giá 1.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. [S](#) không biết [H5](#) sử dụng xe đi gây thương tích cho người khác.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKSCT-HS ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo [Bùi Quốc Thắng](#), [Dương Ngọc H1](#), [Nguyễn Văn H2](#), [Nguyễn Đăng K1](#), [Nguyễn Hoàng L](#) cùng về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo [Bùi Quốc T](#), [Dương Ngọc H1](#), [Nguyễn Văn H2](#), [Nguyễn Đăng K1](#), [Nguyễn Hoàng L](#) khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo [T](#) thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo được bị hại miễn phần bồi thường nên không có ý kiến.

- Các bị cáo [H1](#), [H2](#), [K1](#), [L](#) thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về phần trách nhiệm dân sự: các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

- Bị hại [Nguyễn Văn Đ1](#) trình bày: Về hình phạt: xin bãi nại cho bị cáo [T](#), xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo [H2](#), [K1](#). Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra, bị hại có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 61.000.000 đồng. Tuy nhiên, xác nhận ông [Đ2](#) (cha đẻ bị cáo [T](#)) đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bà [V](#) (mẹ đẻ bị cáo [H2](#)) đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, ông [N1](#) (ông nội bị cáo [K1](#)) đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tại phiên tòa gia đình bị cáo [H1](#) trực tiếp bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bà [T2](#) (mẹ đẻ của bị cáo [L](#)) trực tiếp bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng đến thời điểm hiện tại bị hại đã được bồi thường số tiền là 45.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo [T](#) tiếp tục bồi thường, yêu cầu các bị cáo [H2](#), [H1](#), [K1](#) và gia đình bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#) và gia đình bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#) và gia đình [H5](#) tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 16.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo [Nguyễn Đăng K1](#) - ông [Nguyễn Thanh N1](#) trình bày: ông có nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để bồi thường thiệt hại do hành vi của cháu ông là bị cáo [K1](#). Ông đồng ý liên đới cùng bị cáo [K1](#) bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo [Nguyễn Hoàng L](#) - ông [Bùi Văn H4](#), bà [Nguyễn Thị Kim T2](#) trình bày: tại phiên tòa bà đã bồi thường trực tiếp cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng, ông và bà đồng ý liên đới cùng bị cáo [L](#) bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Phan Hoàng H5](#) trình bày: đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

- Người đại diện hợp pháp của [Phan Hoàng H5](#) – bà [Võ Thị Cẩm T3](#) trình bày: hiện tại gia đình bà rất khó khăn, hàng tháng bà phải lo tiền thuốc trị bệnh nên bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Bùi Văn Đ](#) xác nhận: sau khi sự việc xảy ra, ông đã bồi thường thay cho bị cáo [T](#) số tiền 20.000.000 đồng, ông không yêu cầu bị cáo [T](#) trả lại số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị V](#) xác nhận: sau khi sự việc xảy ra, bà đã bồi thường thay cho bị cáo [H2](#) số tiền 15.000.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo [H2](#) trả lại số tiền này.

- Người làm chứng: Chị [Phạm Thị Quỳnh N2](#) trình bày phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: bị cáo [Bùi Quốc T](#) từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: bị cáo [Dương Ngọc H1](#) từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: bị cáo [Nguyễn Văn H2](#) từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: bị cáo [Nguyễn Hoàng L](#) từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: bị cáo [Nguyễn Đăng K1](#) từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, cùng về tội “Cố ý gây thương tích”. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo [H2](#), bị cáo [H1](#), bị cáo [K1](#) và gia đình bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#) và gia đình bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#) và gia đình [H5](#) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 16.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: Xe gắn máy số máy: RL9FM1P39FMBW000166; số khung: RL9WCB3UMHBG00166; Một biển số: 67AB-061.32; Một điện thoại di động hiệu OPPO - A57, màu xanh, Imei1: 863002068001298; Tịch thu, tiêu hủy: Một mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, trên mũ có chữ “mm”; Một cây dao bằng kim loại màu đen dài 51 cm, cán bằng nhựa màu đen dài 13 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38 cm, loại một lưỡi sắc, gần sống dao có 07 lỗ rỗng hình ovan, mũi dao bầu nhọn và vỏ dao bằng vải màu đen; Một áo khoác dài tay màu trắng đen, trên áo phía sau có chữ ACOVER, trên áo có dính nhiều vết màu nâu; Ba que tăm bông dính vết màu nâu; Trả lại cho chủ sở hữu ông [Phan Văn S](#): Một xe gắn máy biển số: 67AB-006.52, số máy: 00013918, số khung: 013918,

- Bị cáo [T](#): thống nhất với lời luận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo [H1](#): xin Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo, khi các bị cáo khác đánh, chém bị hại bị cáo có kéo bị hại ra để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo [H2](#): thống nhất với lời luận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Đăng K1](#) không tranh luận về tội danh và khung hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo [K1](#) như: bị cáo chưa thành niên nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ nghèo, từ nhỏ phải sống cùng ông nội không gần gũi

được mẹ nên ít nhận được sự quan tâm, giáo dục từ gia đình, ông nội bị cáo đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho bị cáo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo chỉ nghe theo lời rủ rê từ bạn bè dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án mờ nhạt, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cách tính bồi thường thiệt hại để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo [K1](#).

- Bị cáo [K1](#) thống nhất với bản luận cứ bào chữa của người bào chữa, đồng thời không có ý kiến bào chữa bổ sung. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Hoàng L](#) không tranh luận về tội danh và khung hình phạt, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã xem xét cho bị cáo [L](#). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân phạm tội của bị cáo là tình cờ, bạn bè chơi chung rủ nhau rồi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo vừa bước sang tuổi 16 chưa xác định được hành vi của mình sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi sau các bị cáo khác, bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo [L](#) 01 năm 06 tháng tù cũng đủ giáo dục, răn đe bị cáo.

- Bị cáo [L](#) nhất trí với bản luận cứ bào chữa nêu trên của người bào chữa, đồng thời không bào chữa bổ sung gì khác. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại [Nguyễn Văn Đ1](#): thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho [Phan Hoàng H5](#) thống nhất với Cáo trạng, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tính đến thời điểm phạm tội [Phan Hoàng H5](#) chưa đủ 16 tuổi, nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, việc loại trừ trách nhiệm hình sự đối với [H5](#) trong vụ án có tính chất nghiêm trọng là phù hợp với quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của các bị cáo khác đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 16.000.000 đồng, tuy [H5](#) có liên quan trong vụ án, nhưng không trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của bị hại nên chưa chịu trách nhiệm chính, do đó đề nghị loại trừ trách nhiệm dân sự của [H5](#) và gia đình [H5](#). Về xử lý vật chứng: đề nghị trao trả xe mô tô biển số: 67AB-006.52, số máy: 00013918, số khung: 013918 cho chủ sở hữu là ông [Phan Văn S](#).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Phan Hoàng H5](#) và người đại diện hợp pháp của [H5](#) - bà [Võ Thị Cẩm T3](#) thống nhất với quan điểm trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và không có ý kiến tranh luận.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo [Nguyễn Hoàng L](#) - ông [H4](#) và bà [T2](#) trình bày: Xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo [L](#).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Bùi Văn Đ](#) trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết đã bồi thường thiệt hại, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo [T](#).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị V](#) trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo [H2](#).

Trong phần đối đáp một lần nữa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại bản luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông [Phan Văn S](#), ông [Trần Văn T5](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, ông [S](#), ông [T5](#) đã trình bày rõ lời khai tại giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với nội dung diễn biến của vụ án, với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, hậu quả do tội phạm gây ra. Do đó, có đầy đủ căn cứ xác định: Các bị cáo [Bùi Quốc T](#), [Dương Ngọc H1](#), [Nguyễn Văn H2](#), [Nguyễn Đăng K1](#), [Nguyễn Hoàng L](#) đã thống nhất ý chí cùng nhau thực hiện hành vi có tính chất côn đồ, dùng dao loại giọt lệ, dài khoảng 51cm là hung khí nguy hiểm chém trúng lưng và tay trái của bị hại [Nguyễn Văn Đ1](#) gây thương tích. Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 71/24/KLTTCT-TTPY của [Trung tâm P1](#) - [Sở Y tế tỉnh A](#), kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của [Nguyễn Văn Đ1](#) là 20%.

Hành vi của các bị cáo [T](#), [H1](#), [H2](#), [K1](#), [L](#) đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo [T](#), [H1](#), [H2](#), [K1](#), [L](#) có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Các bị cáo không có bất kỳ mâu thuẫn với bị hại, nhưng lại thống nhất ý chí cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội đánh, chém gây thương tích cho bị hại. Điều này thể hiện bản chất côn đồ, sẵn sàng gây thương tích cho người khác của các bị cáo.

Xét thấy, đây là một vụ án có tính chất đồng phạm các bị cáo phạm tội với các vai trò khác nhau. Do đó cần phải cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo:

Đối với bị cáo [T](#) là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, không có mâu thuẫn với bị hại, chỉ vì bị cáo yêu Như, không muốn Như bị Đây làm phiền nên bị cáo đã rủ bị cáo [H1](#), [Phan Hoàng H5](#), kêu [H5](#) rủ các bị cáo [H2](#), [K1](#), [L](#) mang theo hung khí để đánh và chém gây thương tích cho bị hại. Bị cáo với vai trò là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác để thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có [Phan Hoàng H5](#), [Nguyễn Đăng K1](#), [Nguyễn Hoàng L](#) là người chưa thành niên. Do đó, hình phạt áp dụng đối với bị cáo cần có mức án nghiêm, cao hơn các bị cáo khác mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với các bị cáo [H1](#), [K1](#), trong đó bị cáo [K1](#) là người chưa thành niên, nhưng có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo không có bất kỳ mâu thuẫn nào với bị hại, chỉ vì tình cảm anh em, bị cáo [H1](#) khi nghe [T](#) rủ đi đánh Đây, bị cáo [K1](#) khi nghe [H5](#) rủ đi đánh Đây thì các bị cáo không khuyến nủ, can ngăn ngược lại còn đồng ý cùng đi đánh, chém Đây. Trong đó, bị cáo [H1](#) đã có hành vi đi cùng với bị cáo [T](#) và chỉ bị hại Đây cho [H5](#), [H2](#), [K1](#), [L](#) đánh và chém gây thương tích cho [Đ1](#); bị cáo [K1](#) đã có hành vi đi cùng [H5](#), [H2](#), [L](#) để đánh và chém gây thương tích cho [Đ1](#). Do đó, các bị cáo [H1](#) và [K1](#) tuy không trực tiếp thực hiện hành vi chém Đây, nhưng với vai trò là những đồng phạm giúp sức trong việc gây thương tích cho bị hại. Vì vậy, hành vi của các bị cáo [H1](#) và [K1](#) đều nguy hiểm như nhau, nên cần có mức án nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo [H2](#), [L](#), trong đó bị cáo [L](#) là người chưa thành niên, nhưng đã nhận thức được việc làm nào đúng, việc làm nào sai, giữa các bị cáo và bị hại cũng không có bất kỳ mâu thuẫn gì, khi nghe [H5](#) rủ đi đánh Đây thì các bị cáo không khuyến nủ, can ngăn, ngược lại các bị cáo cùng tích cực hưởng ứng, nhất trí đi cùng [H5](#) để tìm gặp Đây với mục đích giúp [T](#) đánh, chém Đây. Trong đó, bị cáo [H2](#) đã có hành vi đi cùng [H5](#), [K1](#), [L](#) và dùng nón bảo hiểm là hung khí nguy hiểm đánh liên tục khoảng 03 cái vào lưng của [Đ1](#), tuy không là nguyên nhân chính gây thương tích cho Đây, nhưng cũng thấy được tính chất côn đồ của bị cáo. Bị cáo [L](#) có hành vi dùng dao giọt lẹ, dài khoảng 51cm cũng là hung khí nguy hiểm

chém 04 nhát gây thương tích trực tiếp cho bị hại Đây. Hành vi của bị cáo [L](#) thể hiện rõ tính chất côn đồ, hung hãn, sẵn sàng gây thương tích cho người khác khi không có bất kỳ mâu thuẫn nào. Các bị cáo [H2](#), [L](#) đều là đồng phạm thực hiện hành vi rất tích cực gây thương tích cho bị hại. Do đó, mức hình phạt của các bị cáo sẽ nghiêm hơn mức hình phạt của các bị cáo [H1](#), [K1](#).

Tuy nhiên, các bị cáo [K1](#) và [L](#) là người chưa thành niên phạm tội nên cần áp dụng những quy định pháp luật của người chưa thành niên để xem xét cho các bị cáo.

Sau khi gây án xong các bị cáo bỏ mặc hậu quả xảy ra, không cứu chữa người bị hại, khi trên người bị hại đã bị nhiều vết thương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có cảnh báo trước, điều này thể hiện thái độ lạnh lùng, xem thường sức khỏe của người khác.

Xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, động cơ, mục đích gây thương tích, tổn hại sức khỏe của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất côn đồ, dùng hung khí nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần có một mức án nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt cho xã hội và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo [H1](#), [K1](#), [H2](#), [L](#) không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo [T](#) có hành vi xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo [T](#), [H1](#), [K1](#), [H2](#), [L](#) tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; bị hại Đây làm đơn xin bãi nại cho bị cáo [T](#); xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo [H2](#), [K1](#); bị cáo [H2](#) được những người dân địa phương gửi đơn xin cứu xét, bị cáo [T](#) đã vận động gia đình bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo [H2](#) đã vận động gia đình bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, ông [N1](#) đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#) đã nộp bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, tại phiên tòa gia đình bị cáo [H1](#) đã trực tiếp bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng, bà [T2](#) đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#) đã trực tiếp bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng, do đó bị cáo [T](#), [H2](#), [K1](#), [H1](#), [L](#) được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 61.000.000 đồng, các bị cáo đều đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại. Tại phiên tòa, bị hại xác nhận đã được bồi thường số tiền là 45.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại là 16.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo [T](#) tiếp tục bồi thường, yêu cầu các bị cáo [H1](#), [H2](#), [K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#), đại diện hợp pháp của [H5](#) phải bồi thường số tiền trên theo quy định pháp luật.

Xét thấy, các bị cáo [T](#), [H1](#), [H2](#), [K1](#), [L](#) và [Phan Hoàng H5](#) đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại thì phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại. Bị hại đã miễn trách nhiệm bồi thường cho bị cáo [T](#) như vậy các bị cáo [H1](#), [H2](#), [K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#), đại diện hợp pháp của [H5](#) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền còn lại là 16.000.000 đồng cho bị hại. Các bị cáo [H1](#), [H2](#), [K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), [H5](#) đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của [H5](#) – bà [Võ Thị Cẩm T3](#) không đồng ý bồi thường. Căn cứ Điều 586 Bộ luật Dân sự quy định nếu tài sản của người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không đủ để bồi thường thì cha mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Do đó, đại diện hợp pháp của [Phan Hoàng H5](#) – ông [Phan Văn S](#) và bà [Võ Thị Cẩm T3](#) phải có trách nhiệm bồi thường cùng với [H5](#). Từ đó, không có cơ sở loại trừ trách nhiệm dân sự của [H5](#), đại diện hợp pháp của [H5](#) như quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho [Phan Hoàng H5](#).

Vì vậy, các bị cáo [H1](#), [H2](#), [K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#), đại diện hợp pháp của [H5](#) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền còn lại là 16.000.000 đồng cho bị hại.

Cha bị cáo [T](#) không yêu cầu bị cáo [T](#) trả lại số tiền 20.000.000 đồng, mẹ bị cáo [H2](#) không yêu cầu bị cáo [H2](#) trả lại số tiền 15.000.000 đồng, gia đình bị cáo [H1](#) không yêu cầu bị cáo [H1](#) trả lại số tiền 3.000.000 đồng đã bồi thường thay cho các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với: xe gắn máy số máy: RL9FM1P39FMBW000166; số khung: RL9WCB3UMHBG00166; Một biển số: 67AB-061.32; Một điện thoại di động hiệu OPPO - A57, màu xanh, Imei1: 863002068001298, là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước; Đối với: Một mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, trên mũ có chữ “mm”; Một cây dao bằng kim loại màu đen dài 51 cm, cán bằng nhựa màu đen dài 13 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38 cm, loại một lưỡi sắc, gần sống dao có 07 lỗ rỗng hình ovan, mũi dao bầu nhọn và vỏ dao bằng vải màu đen, là phương tiện dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy; Đối với: Một áo khoác dài tay màu trắng đen, trên áo phía sau có chữ ACOVER, trên áo có dính nhiều vết màu nâu; Ba que tăm bông dính vết màu nâu, đã thu giữ trong vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy; Đối với: Một xe gắn máy biển số: 67AB-006.52, số máy: 00013918, số khung: 013918, là phương tiện [Phan Hoàng H5](#) sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, lẽ ra cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định đây là tài sản của ông [Phan Văn S](#) mua của ông [Trần Văn T5](#), việc [H5](#) sử dụng xe mô tô gây thương tích cho [Đay](#) thì [S](#) không biết. Do đó, cần trả lại xe mô tô biển số: 67AB-006.52 cho chủ sở hữu ông [Phan Văn S](#); Đối với: Một điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu

xanh, Imei: 350293721657960, số sê ri: DX3HG723N73C, là tài sản của [Phan Thi Huỳnh N3](#) đã trao trả cho [N3](#) là phù hợp. (Đặc điểm tang vật như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2024)

[6] Về vấn đề khác:

Đối với: [Phan Hoàng H5](#), sinh ngày 18/11/2008. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, [H5](#) chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. [Công an huyện C](#) đang lập hồ sơ xử lý hành chính đối với [H5](#), theo Nghị định số 140/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào [Trường G](#) là phù hợp.

Về án phí:

Các bị cáo [H1](#), [H2](#), [K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#), đại diện hợp pháp của [H5](#) phải liên đới chịu 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo [Bùi Quốc T](#), [Dương Ngọc H1](#), [Nguyễn Văn H2](#), [Nguyễn Đăng K1](#), [Nguyễn Hoàng L](#) cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo [Bùi Quốc T](#) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 27/02/2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo [Dương Ngọc H1](#) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 06/3/2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo [Nguyễn Văn H2](#) (Khí) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 27/02/2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo [Nguyễn Đăng K1](#) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 07/02/2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo [Nguyễn Hoàng L](#) 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 27/02/2024.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 288, Điều 587, Điều 590; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, các bị cáo [H1](#), [H2](#), [K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#), bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại [Nguyễn Văn Đ1](#) số tiền là 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng). Xác nhận ông [Bùi Văn Đ](#) (cha đẻ của bị cáo [T](#)) đã bồi thường thay bị cáo [T](#) số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà [Nguyễn Thị V](#) (mẹ đẻ của bị cáo [H2](#)) đã bồi thường thay cho bị cáo [H2](#) số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), ông [Nguyễn Thanh N1](#) (ông nội của bị cáo [K1](#)) đã nộp bồi thường cho bị cáo [K1](#) số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, gia đình bị cáo [H1](#) đã bồi thường trực tiếp tại phiên tòa số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bà [T2](#) (mẹ đẻ của bị cáo [L](#)) đã bồi thường trực tiếp tại phiên tòa số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Các bị cáo [H1](#), [H2](#), [K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), bị cáo [L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#), đại diện hợp pháp của [H5](#) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền còn lại là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) cho bị hại [Nguyễn Văn Đ1](#).

Bị hại [Nguyễn Văn Đ1](#) được nhận số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) do ông [Nguyễn Thanh N1](#) nộp theo Biên lai thu tiền số 0002321 ngày 03/6/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: Xe gắn máy số máy: RL9FM1P39FMBW000166; số khung: RL9WCB3UMHBG00166 do ông [Bùi Văn Đ](#) giao nộp; Một biển số: 67AB-061.32; Một điện thoại di động hiệu OPPO - A57, màu xanh, Imei1: 863002068001298; Tịch thu, tiêu hủy: Một mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, trên mũ có chữ “mm”; Một cây dao bằng kim loại màu đen dài 51 cm, cán bằng nhựa màu đen dài 13 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38 cm, loại một lưỡi sắc, gần sống dao có 07 lỗ rỗng hình ovan, mũi dao bầu nhọn và vỏ dao bằng vải màu đen; Một áo khoác dài tay màu trắng đen, trên áo phía sau có chữ ACOVER, trên áo có dính nhiều vết màu nâu; Ba que tăm bông dính vết màu nâu; Trả lại cho chủ sở hữu ông [Phan Văn S](#): Một xe gắn máy biển số: 67AB-006.52, số máy: 00013918, số khung: 013918. (Đặc điểm tang vật như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2024)

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo [Bùi Quốc T](#), [Dương Ngọc H1](#), [Nguyễn Văn H2](#), [Nguyễn Đăng K1](#), [Nguyễn Hoàng L](#) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo [Dương Ngọc H1](#), [Nguyễn Văn H2](#), [Nguyễn Đăng K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), bị cáo [Nguyễn Hoàng L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), [Phan Hoàng H5](#), đại diện hợp pháp của [H5](#) phải liên đới chịu 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo [K1](#), người bào chữa cho bị cáo [L](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [K1](#), đại diện hợp pháp của bị cáo [L](#), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của [Phan Hoàng H5](#), đại diện hợp pháp của [Phan Hoàng H5](#), những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Người BVQLIHP;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu và xã Bình Hòa, huyện Châu Thành (thay thông báo);
- Phòng KTNVTTHA;
- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Quyên